

Bản án: **79 /2026/DS- ST**
Ngày 17/8/ 2026
“ *V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Tạ Văn Doanh; 2/ Bà Vũ Thị Mai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2026/TLST- DS, ngày 13/3/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2026/QĐXX – ST, ngày 01 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2025/QĐHPT – ST, ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (viết tắt: A1); Địa chỉ: Số H L, phường G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn L – Chức vụ: Giám đốc Phòng G - Ngân hàng A1 Chi nhánh C; Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981;
Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 2005;
Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố K, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị O, sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố K, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

(Ông T, bà O và anh A đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng A1 trình bày:

Ngày 25/01/2024, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A có vay tiền của Ngân hàng A1 Chi nhánh huyện C (Nay là A1 chi nhánh C), mục đích vay đầu

tư làm vườn. Sau khi xem xét thẩm định, A1 Chi nhánh huyện C đã phê duyệt số tiền cho vay là: 200.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV202400326 ngày 25/01/2024; Ngày 26/01/2024 A1 đã giải ngân số tiền: 200.000.000 đồng. Định kỳ hạn trả nợ: Ngày 26/01/2025 trả gốc: 100.000.000 đồng; ngày 26/01/2026 trả gốc: 100.000.000 đồng.

Khi đến hạn trả nợ là ngày 26/01/2025 ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A không trả được nợ cho ngân hàng, ngày 27/01/2025 A1 Chi nhánh huyện C đã chuyển sang nợ quá hạn số tiền gốc là 200.000.000đ và toàn bộ số lãi phát sinh kèm theo dư nợ đến ngày 17/8/2026.

Qua nhiều lần đôn đốc nhắc nhở đến nay ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A vẫn chưa trả nợ cho ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp nghĩa vụ trả nợ toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho A1, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A1.

Căn cứ các nội dung nêu trên, A1 thông qua A1 Chi nhánh C, yêu cầu như sau: Buộc ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A1 toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 17/8/2026 là: 269.152.641đ, Trong đó: Nợ gốc: 200.000.000đ + tiền lãi: 69.152.641đ; (Trong đó: Nợ lãi trong hạn: 53.736.986đ; Nợ lãi quá hạn: 10.974.658đ; Nợ lãi chậm trả: 4.440.998đ).

Buộc ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2504LAV202400326 ngày 25/01/2024 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến khi ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A trả hết nợ cho A1. Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A1 thông qua A1 Chi nhánh C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[2]. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án đã niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông T được biết đến làm việc tại Tòa nhưng không đến làm việc nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông T.

[3]. Quá trình tham gia tố tụng tại lời khai có trong hồ sơ bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Ngày 25/01/2024, bố anh là Nguyễn Văn T và anh có vay vốn của A1 Chi nhánh huyện C (Nay là A1 chi nhánh C), mục đích vay đầu tư làm vườn. Sau khi xem xét thẩm định, A1 Chi nhánh huyện C đã phê duyệt số tiền cho vay là: 200.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV202400326 ngày 25/01/2024. Ngày 26/01/2024 A1 đã giải ngân số tiền: 200.000.000đ. Định kỳ hạn trả nợ: Ngày 26/01/2025 trả gốc: 100.000.000đ; ngày 26/01/2026 trả gốc:

100.000.000đ. Mẹ anh bà Trần Thị O khi đó đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài không có nhà.

Khi đến hạn trả nợ là ngày 26/01/2025 khi đó anh đi bộ đội nên vắng mặt tại địa phương, nên bố anh đã trả tiền gốc hay lãi như thế nào anh không nắm được toàn bộ số tiền vay; số tiền vay về bố anh không sử dụng vào mục đích chung cho gia đình mà sử dụng vào việc gì anh không biết. Do làm ăn khó khăn nên gia đình chưa trả được.

Nay bên Ngân hàng yêu cầu trả tiền gốc + lãi và xử lý tài sản anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[3]. Quá trình tham gia tố tụng tại lời khai có trong hồ sơ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O trình bày:

Ngày 25/01/2024, chồng bà ông Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Văn A có vay vốn của A1 Chi nhánh huyện C (Nay là A1 chi nhánh C) với mục đích vay đầu tư làm vườn. Số tiền A1 Chi nhánh huyện C đã phê duyệt cho vay là 200.000.000đ tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV202400326 ngày 25/01/2024. Định kỳ hạn trả nợ: Ngày 26/01/2025 trả gốc: 100.000.000đ; ngày 26/01/2026 trả gốc: 100.000.000đ. Thời điểm vay bà đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài không có nhà nên không biết cụ thể vay như thế nào và bao nhiêu tiền, ông T đã trả tiền gốc hay lãi như thế nào bà không nắm được; số tiền vay về ông T không sử dụng vào mục đích chung cho gia đình mà sử dụng vào việc gì bà không biết.

Nay bên Ngân hàng yêu cầu trả tiền gốc + lãi và xử lý tài sản bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[5]. Tại phiên tòa Đại diện của Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, anh A; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O vắng mặt không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212, 299, 303, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 99, 100, 103 và 107 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Điều 12 của Luật Ngân hàng N1. Điều 13, 18, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng (khoản

4, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023). Điều 7, 8, 10 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (viết tắt: A1), Chi nhánh C, Bắc Giang II; buộc ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải trả cho Ngân hàng N, chi Nhánh C, Bắc Giang II số tiền tính đến ngày 17/8/2026 là 269.152.641đ (Trong đó: Nợ gốc: 200.000.000đ + tiền lãi: 69.152.641đ).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông T, anh A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng N (viết tắt: A1), ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A1 Chi nhánh C, tỉnh Bắc Giang II là người khởi kiện và tham gia tố tụng tại Quyết định số 2665/QĐ-HĐTV-PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N; Ông Nguyễn Quốc H ủy quyền lại cho ông Trương Văn L – Chức vụ: Giám đốc Phòng A1 Chi nhánh Chũ, Bắc Giang II là người tham gia tố tụng tại Giấy ủy quyền số 145/UQN0.BGII-Ch ngày 29/01/2026 là đúng theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Dân sự, cần được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý; Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh giải quyết, buộc ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải trả tiền gốc vay, yêu cầu tính lãi theo hợp đồng tín dụng; Vì vậy, quan hệ pháp luật “Tranh chấp

hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng N khởi kiện ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A do thực hiện không đúng hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông T, anh A phải trả tiền gốc + lãi. Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A đã vi phạm cam kết trả nợ nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định theo Điều 35 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng N cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Hợp đồng tín dụng; đơn đề nghị giải ngân; CMTND, giấy tờ pháp lý của ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A; hồ sơ pháp lý (giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập).

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*.

Xét hợp đồng tín dụng: Theo hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thì ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A có ký hợp đồng vay vốn tại A1 Chi nhánh Chũ, B – Phòng G hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 25/01/2024, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A có vay tiền của A1 Chi nhánh huyện C (Nay là A1 chi nhánh C), mục đích vay đầu tư làm vườn. Sau khi xem xét thẩm định, A1 Chi nhánh huyện C đã phê duyệt số tiền cho vay là: 200.000.000đ tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV202400326 ngày 25/01/2024; Ngày 25/01/2024 A1 đã giải ngân số tiền: 200.000.000đ; định kỳ hạn trả nợ: Ngày 26/01/2025 trả gốc: 100.000.000đ; ngày 26/01/2026 trả gốc: 100.000.000đ.

Trong quá trình vay vốn ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A không thực hiện đúng cam kết HĐTD với ngân hàng, đến nay HĐTD này đã quá hạn từ ngày 26/01/2025. Trong thời gian quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần lên làm việc, lập biên bản với ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A nhưng không hợp tác trả nợ.

Kể từ ngày vay đến nay ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A chưa trả gốc, lãi; tính đến ngày 25/01/2026 toàn bộ số tiền gốc và lãi đã bị chuyển sang nợ quá hạn, tổng dư nợ của ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A tại A1 chi nhánh C, B- PGD Kim tính đến ngày 17/8/2026 số tiền là 269.152.641đ, Trong đó: Nợ gốc: 200.000.000đ + tiền lãi: 69.152.641đ; (Trong đó: Nợ lãi trong hạn: 53.736.986đ; Nợ lãi quá hạn: 10.974.658đ; Nợ lãi chậm trả: 4.440.998đ) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả là có căn cứ.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn Ngân hàng A1, Chi nhánh Chũ, B, về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải trả số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 17/8/2026 là 269.152.641đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông T, anh A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A1 thông qua A1 Chi nhánh C, Bắc Giang II có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng A1, Chi nhánh C, Bắc Giang II phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q642764 ngày 14/10/1999 do UBND huyện L cấp cho Hộ ông Nguyễn Văn T khi ông T, anh A đã thanh toán xong toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng.

[4] *Tại phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[5]. *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Giang II số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212, 299, 303, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 99, 100, 103 và 107 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Điều 12 của Luật Ngân hàng N1. Điều 13, 18, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1

quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng (khoản 4, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023). Điều 7, 8, 10 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh C, Bắc Giang II; buộc ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải trả cho Ngân hàng N, chi Nhánh C, Bắc Giang II số tiền gốc là 200.000.000đ + tiền lãi tính đến ngày 17/8/2026 là 69.152.641đ; Tổng cộng tiền gốc và lãi là 269.152.641đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm bốn một đồng),

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông T, anh A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A1 thông qua A1 Chi nhánh C, Bắc Giang II có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn A phải chịu 13.457.600đ phí DSST. Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh C, Bắc Giang II số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 6.250.000đ, theo biên lai số 0001997 ngày 12/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 5- BN;
- Phòng THADS khu vực 5- BN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Trần Văn Toàn